

Số: 650/2019/QĐST- HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 14 tháng 10 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 568/2019/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Trương Quốc H, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Số 15/21 đường Long Th, phường Thủy B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H

2. Chị Nguyễn Thị Ngọc Oanh, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Số 15/21 đường Long Th, phường Thủy B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H; Địa chỉ liên lạc: Số 12 đường Long H, phường Hương H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Trương Quốc H và chị Nguyễn Thị Ngọc O kết hôn tự nguyện sau thời gian tìm hiểu 01 năm, được gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới và anh, chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thủy B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H vào ngày 24/01/2014. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, nên cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng không khắc phục được. Nhận thấy, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H và chị O cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Trương Quốc H, chị Nguyễn Thị Ngọc O xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Trương Quốc sinh ngày 12/3/2014. Hiện nay cháu D đang ở với chị O. Anh H, chị O tự thỏa thuận giao cháu Trương Quốc D cho chị

Nguyễn Thị Ngọc O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Anh Trương Quốc H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Dũng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng kể từ tháng 10/2019 cho đến khi cháu Trương Quốc D thành niên (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trương Quốc H, chị Nguyễn Thị Ngọc Oanh xác nhận vợ chồng chung sống không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Trương Quốc H, chị Nguyễn Thị Ngọc O mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 04/10/2019), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trương Quốc H và chị Nguyễn Thị Ngọc O.

- Về con chung: Giao cháu Trương Quốc D, sinh ngày 12/3/2014 cho chị Nguyễn Thị Ngọc O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Anh Trương Quốc H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Trương Quốc D 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng kể từ tháng 10/2019 cho đến khi cháu Trương Quốc D thành niên (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trương Quốc H, chị Nguyễn Thị Ngọc O mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được khấu trừ vào số tiền anh H, chị O đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/008807 ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh TT-Huế;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế;
- Chi cục THADS Thành phố Huế;
- UBND phường Thủy Biều;
- (ĐKKH số: 09, ngày 24/01/2014);
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN

Nguyễn Lê Tuyết Linh